



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09 tháng 09 năm 1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12 tháng 09 năm 1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29 tháng 03 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Hảo	Chủ tịch	
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên	
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên	
Ông Hoàng Hồng Hương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Thân	Giám đốc
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đắc Huân	Kiểm soát viên
Ông Lê Quang Hà	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Quang Thân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội được lập ngày 11 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÃNG KIỂM TOÁN
AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.494.008.823	17.200.277.112
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.524.098.348	2.421.124.606
111	1. Tiền		2.524.098.348	2.421.124.606
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.500.000.000	2.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.500.000.000	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.552.002.892	9.679.211.265
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.033.925.479	7.252.101.796
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.211.688.350	170.200.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.500.000.000	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	871.589.063	822.109.469
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(65.200.000)	(65.200.000)
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.710.063.866	2.789.507.627
141	1. Hàng tồn kho		3.710.063.866	2.789.507.627
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		207.843.717	310.433.614
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	207.843.717	310.433.614
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.744.494.348	30.964.767.558
220	I. Tài sản cố định		12.434.562.819	13.116.777.945
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	12.434.562.819	13.116.777.945
222	- Nguyên giá		57.785.104.662	61.891.965.045
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.350.541.843)	(48.775.187.100)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	13	16.340.522.147	15.478.062.147
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		16.340.522.147	15.478.062.147
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.969.409.382	2.369.927.466
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.969.409.382	2.369.927.466
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.238.503.171	48.165.044.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.635.500.208	22.707.689.874
310	I. Nợ ngắn hạn		25.585.500.208	22.657.689.874
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.272.068.985	2.368.836.763
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.882.797.148	459.100.959
314	3. Phải trả người lao động		1.422.089.514	1.610.080.412
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		224.947.134	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		129.432.879	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	18.535.376.920	18.053.384.112
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		118.787.628	166.287.628
330	II. Nợ dài hạn		50.000.000	50.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	50.000.000	50.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		24.603.002.963	25.457.354.796
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	24.603.002.963	25.457.354.796
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.959.850.000	20.959.850.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.959.850.000	20.959.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		229.755.263	229.755.263
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.589.722.101	2.589.722.101
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		823.675.599	1.678.027.432
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.239.432	78.479.683
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		822.436.167	1.599.547.749
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.238.503.171	48.165.044.670



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	17.914.861.641	19.334.873.530
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.914.861.641	19.334.873.530
11	3. Giá vốn hàng bán	20	13.932.678.871	16.075.195.936
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.982.182.770	3.259.677.594
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	129.030.975	99.056.892
25	6. Chi phí bán hàng	22	59.248.000	30.649.250
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	3.202.637.654	3.700.070.739
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		849.328.091	(371.985.503)
31	9. Thu nhập khác	24	188.092.118	1.633.584.268
40	10. Lợi nhuận khác		188.092.118	1.633.584.268
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.037.420.209	1.261.598.765
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	214.984.042	260.719.753
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>822.436.167</u>	<u>1.000.879.012</u>
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	392	478



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.037.420.209	1.261.598.765
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.434.314.035	1.375.839.259
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(209.903.702)	(172.740.525)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.261.830.542	2.464.697.499
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.413.646.031)	(5.579.296.499)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(920.556.239)	(614.260.119)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		3.077.898.627	2.360.126.951
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		503.107.981	595.172.599
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(111.829.200)	(161.875.054)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(47.500.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.349.305.680	(935.434.623)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.550.330.259)	(1.208.856.930)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		80.872.727	73.683.633
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.500.000.000)	(3.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	3.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		122.896.729	100.237.303
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.846.560.803)	(1.534.935.994)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.399.771.135)	(1.415.377.635)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.399.771.135)	(1.415.377.635)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		102.973.742	(3.885.748.252)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.421.124.606	4.043.152.732
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2.524.098.348	157.404.480

[Signature]

Vũ Thị Hòa
Người lập biểu

[Signature]

Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ Giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09 tháng 09 năm 1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12 tháng 09 năm 1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29 tháng 03 năm 2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.959.850.000 VND, tương đương 2.095.985 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 70 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 79 người).

Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và các sản phẩm giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế, xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật).

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí thiết kế, giải phóng và đền bù cho hộ dân có đất nông nghiệp trong dự án được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 6 tháng đến 36 tháng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước phản ánh số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	130.915.447	46.982.562
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.393.182.901	2.374.142.044
	<u>2.524.098.348</u>	<u>2.421.124.606</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	1.500.000.000	-	2.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.500.000.000	-	2.000.000.000	-
	1.500.000.000	-	2.000.000.000	-

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đông Anh với lãi suất 7%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	3.380.408.523	-	290.961.004	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	2.446.221.400	-	26.794.360	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	594.120.331	-	-	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	-	-	5.932.032	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	204.832.959	-	258.234.612	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	73.421.863	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	61.811.970	-	-	-
Bên khác	4.653.516.956	-	6.961.140.792	-
Công ty TNHH Phát triển Đông Phương	416.595.578	-	3.316.595.578	-
Công ty TNHH In Thanh Bình	368.255.112	-	1.651.303.823	-
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Ngân Hà	198.092.826	-	1.048.092.826	-
CTY TNHH MTV in Quảng Ninh	738.979.916	-	-	-
Công ty CP In Sơn La	834.403.900	-	-	-
Các khách hàng khác	2.097.189.624	-	945.148.565	-
	8.033.925.479	-	7.252.101.796	-

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Hương Giang	500.001.000	-	50.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Bách Việt	160.000.000	-	-	-
Công ty CP A Fire Phạm Phúc Hà	453.011.350	-	-	-
	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	(25.200.000)	25.200.000	(25.200.000)
Trả trước cho người bán khác	33.476.000	-	55.000.000	-
	1.211.688.350	(65.200.000)	170.200.000	(65.200.000)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty cho Công ty TNHH In Thanh Bình vay theo hợp đồng số 01-2023/HĐVV/SGK-TB số tiền là 1.500.000.000 VND có kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 10%/năm.

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về vật tư cho mượn	50.357.828	-	28.650.963	-
Phải thu về lãi dự thu	35.547.945	-	29.413.699	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	618.225	-
Phải thu Ban quản lý dự án kho Đông Anh	-	-	573.270.000	-
Phải thu về tạm ứng	63.268.670	-	130.941.962	-
Phải thu về doanh thu cho thuê kho ước tính (i)	639.200.000	-	-	-
Phải thu khác	83.214.620	-	59.214.620	-
	871.589.063	-	822.109.469	-
Trong đó: Bên liên quan				
Ngô Đắc Nam	-	-	86.000.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	658.813.672	-	3.672.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	18.597.396	-	19.040.927	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	-	172.200	-
	677.411.068	-	108.885.127	-

(i) Hợp đồng cho thuê mặt bằng (để sử dụng làm kho) giữa Công ty và Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội cho năm 2023 hiện vẫn đang trong quá trình thương thảo để ký kết chính thức. Do đó, Công ty đã ước tính phần doanh thu cho thuê mặt bằng có giá trị là 639.200.000 VND tương ứng với phần diện tích thuê mà Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội đã sử dụng trong kỳ và đơn giá cho thuê dự kiến.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	-	25.200.000	-
Phạm Phúc Hà	40.000.000	-	40.000.000	-
	65.200.000	-	65.200.000	-

10 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.517.511.118	-	2.138.273.992	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.075.312.156	-	651.233.635	-
Thành phẩm	117.240.592	-	-	-
	3.710.063.866	-	2.789.507.627	-

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	102.733.087	63.661.114
Chi phí sửa chữa phụ tùng máy móc	72.298.120	207.660.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	32.812.510	39.112.500
	207.843.717	310.433.614
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn cải tạo văn phòng, nhà xưởng	1.969.409.382	2.369.927.466
	1.969.409.382	2.369.927.466

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.328.151.919	52.069.185.721	2.176.488.408	318.138.997	61.891.965.045
- Mua trong kỳ	-	259.090.909	-	493.008.000	752.098.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.858.959.292)	-	-	(4.858.959.292)
Số dư cuối kỳ	7.328.151.919	47.469.317.338	2.176.488.408	811.146.997	57.785.104.662
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.951.191.854	41.382.076.173	2.176.488.408	265.430.665	48.775.187.100
- Khấu hao trong kỳ	199.423.125	1.221.140.911	-	13.749.999	1.434.314.035
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.858.959.292)	-	-	(4.858.959.292)
Số dư cuối kỳ	5.150.614.979	37.744.257.792	2.176.488.408	279.180.664	45.350.541.843
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.376.960.065	10.687.109.548	-	52.708.332	13.116.777.945
Tại ngày cuối kỳ	2.177.536.940	9.725.059.546	-	531.966.333	12.434.562.819

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 34.506.361.656 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 39.365.320.948 VND).

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh (i)	16.340.522.147	15.478.062.147
	<u>16.340.522.147</u>	<u>15.478.062.147</u>

(i) Trong năm 2010, thực hiện chỉ đạo của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty và một số đơn vị thành viên khác của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (xem thêm ở Thuyết minh số 16) đã ký kết hợp đồng hợp tác số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 để thực hiện đầu tư Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội sẽ đứng vai trò là chủ đầu tư của dự án, thực hiện các thủ tục đầu tư, tập hợp chi phí. Kinh phí để thực hiện dự án sẽ do các bên còn lại góp vốn theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện dự án: tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất;
- Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong năm 2019, ba bên góp vốn để thực hiện dự án là Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc đã gửi công văn yêu cầu rút vốn thực hiện dự án theo tỷ lệ góp vốn.

Trong năm 2022, ba bên góp vốn để thực hiện dự án là Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc đã tiến hành các công việc đàm phán, ký kết hợp đồng để chuyển nhượng phần vốn góp của mình trong dự án cho Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM. Sau khi cả 3 bên góp vốn hoàn thành các thủ tục phê duyệt chủ trương và ký kết hợp đồng chuyển nhượng, các bên sẽ ký văn bản để bàn giao các nghĩa vụ liên quan của dự án.

Tại thời điểm 30/06/2023, cả 3 bên góp vốn đã chuyển nhượng xong phần vốn góp của mình cho Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM, và đã có công văn gửi cho Công ty để xác nhận hoàn thành chuyển nhượng phần vốn góp tuy nhiên vẫn chưa có văn bản để bàn giao các nghĩa vụ liên quan đến dự án.

Về thủ tục pháp lý: trong năm 2020, Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận cho gia hạn sử dụng đất 24 tháng theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 04/05/2020. Đồng thời, Ngày 14/09/2020, Công ty đã gửi công văn lên Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Ngày 15/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành thông báo số 1069/TB-KH&ĐT gửi công ty với nội dung: Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tiếp tục đôn đốc Sở Quy hoạch kiến trúc, sau khi nhận được ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thẩm định, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định đúng quy định. Ngày 18/11/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo thẩm định số 730/BC-KH&ĐT đề xuất UBND xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương dự án. Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản số 10616/VP-KT ngày 07/12/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản 68/KH&ĐT-NNS ngày 07/01/2021 đề nghị các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đông Anh kiểm tra, rà soát theo chỉ đạo của UBND thành phố. Sau khi nhận được các văn bản của các Sở, ban ngành, ngày 05/03/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành văn bản số 816/KH&ĐT-NNS cho Công ty với nội dung đề nghị Công ty tiếp tục lập hồ sơ đề xuất chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định. Công ty đã nộp hồ sơ theo yêu cầu cho Sở Kế hoạch và đầu tư và đang chờ được xem xét, phê duyệt.

Về tiến độ dự án: ngày 07/11/2021, Công ty ký hợp đồng dịch vụ với Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội về việc khảo sát địa chất công trình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho dự án. Ngày 24/03/2022, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội bàn giao hồ sơ tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình cho Công ty.

Ngày 27/04/2022, UBND huyện Đông Anh có văn bản số 812/UBND-QLĐT về việc xây dựng các hạng mục thuộc dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất của Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội, trong đó thống nhất về mặt chủ trương với việc đề xuất xây dựng các hạng mục thuộc dự án, quy mô đầu tư: 02 nhà xưởng 01 tầng, 01 nhà ăn cao 02 tầng, các hạng mục phụ trợ (cổng, tường rào, sân, vườn hoa...).

Ngày 19/07/2022, các sở ban ngành đã đến kiểm tra về việc thực hiện Kết luận thanh tra và việc Quyết định gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với Công ty. Theo đó, đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty có trách nhiệm nộp hồ sơ điều chỉnh tiến độ dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Hiện tại, dự án đã hoàn thành một số công trình tường rào, sân, đường, cổng ra vào... và công trình nhà ăn cao 02 tầng diện tích khoảng 200 m² đang hoàn thiện nội thất. Chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí thi công mặt bằng, đường ống thoát nước... với số tiền là 862.460.000 VND. Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền đồng ý điều chỉnh chủ trương dự án để thực hiện các thủ tục theo trình tự đầu tư dự án.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP In và Thương mại Tiên Phong	294.079.153	294.079.153	278.001.606	278.001.606
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhân Đạt	373.805.520	373.805.520	276.315.600	276.315.600
Công ty TNHH Phúc Thịnh Printing	-	-	482.760.000	482.760.000
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Anh	767.239.171	767.239.171	238.514.855	238.514.855
Công ty CP Xuất nhập khẩu ngành in SIC	149.546.100	149.546.100	102.052.480	102.052.480
Công ty CP An Hùng Minh	319.887.733	319.887.733	365.360.666	365.360.666
Công ty CP Sản xuất và Thương Mại P.P	336.092.636	336.092.636	-	-
Công ty TNHH TM Quốc tế Long Quang	524.260.000	524.260.000	-	-
Các người bán khác	507.158.672	507.158.672	625.831.556	625.831.556
	3.272.068.985	3.272.068.985	2.368.836.763	2.368.836.763

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	347.249.357	722.469.649	347.249.357	722.469.649
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.829.200	214.984.042	111.829.200	214.984.042
Thuế thu nhập cá nhân	22.402	41.709.818	5.414.503	36.317.717
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	956.471.506	47.445.766	909.025.740
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	459.100.959	1.939.635.015	515.938.826	1.882.797.148

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	65.738.456	18.382.605
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	101.546.767	-
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	16.974.983.794	16.945.418.052
- Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	3.937.805.758
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM	16.974.983.794	13.007.612.294
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.393.107.903	1.089.583.455
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	388.272.542	111.255.677
- Phải trả về tiền thuế thu nhập cá nhân	7.944.939	7.944.939
- Phải trả về vật tư vay, mượn	319.917.374	151.095.236
- Phải trả về tiền thù lao Hội đồng quản trị	86.000.000	162.500.000
- Phải trả phải nộp khác	590.973.048	656.787.603
	18.535.376.920	18.053.384.112
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	50.000.000	50.000.000
	50.000.000	50.000.000
c) Trong đó: Bên liên quan		
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	35.983.510	48.899.273
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	15.130.126	15.130.126
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư	-	3.937.805.758
- Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	3.937.805.758
	51.113.636	4.001.835.157

(i) Đây là tiền góp vốn của các bên để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15 tháng 07 năm 2010 (xem thêm Thuyết minh 13).

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.645.669.183	25.424.996.547
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	1.000.879.012	1.000.879.012
Chia cổ tức	-	-	-	(1.467.189.500)	(1.467.189.500)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.079.358.695	24.858.686.059
Số dư đầu năm nay	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.678.027.432	25.457.354.796
Lãi trong kỳ này	-	-	-	822.436.167	822.436.167
Chia cổ tức	-	-	-	(1.676.788.000)	(1.676.788.000)
Số dư cuối kỳ này	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	823.675.599	24.603.002.963

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/HAPCO ngày 25 tháng 04 năm 2023, việc phân phối lợi nhuận năm 2022 được thực hiện như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022		1.678.027.432
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 VND)	8%	1.676.788.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		1.239.432

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023 VND	Tỷ lệ %	01/01/2023 VND	Tỷ lệ %
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.269.760.000	49,00	10.269.760.000	49,00
Nguyễn Đăng Dương	1.271.160.000	6,06	1.271.160.000	6,06
Nguyễn Thị Ngân	1.531.000.000	7,30	1.531.000.000	7,30
Các cổ đông khác	-7.887.930.000	37,64	7.887.930.000	37,64
	20.959.850.000	100	20.959.850.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.959.850.000	20.959.850.000
- Vốn góp cuối kỳ	20.959.850.000	20.959.850.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	111.255.677	110.436.012
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	1.676.788.000	1.467.189.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.676.788.000	1.467.189.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong kỳ	1.399.771.135	1.415.377.635
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.399.771.135	1.415.377.635
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	388.272.542	162.247.877

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.095.985	2.095.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.095.985	2.095.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.095.985	2.095.985
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.095.985	2.095.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.095.985	2.095.985

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.589.722.101	2.589.722.101
	<u>2.589.722.101</u>	<u>2.589.722.101</u>

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.358.402.103	5.156.454.500
Từ 1 năm đến 5 năm	1.408.169.992	2.421.494.000

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với Nhà nước để sử dụng cho mục đích làm trụ sở làm việc, nhà kho và xưởng sản xuất từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích đất thuê lần lượt là 28.465,6 m² và 7662 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Tài sản nhận giữ hộ, gia công

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty đang nhận giữ vật tư của các khách hàng để phục vụ cho hoạt động in, gồm: giấy các loại 315.165 kg giấy cuộn, 1.116.689 tờ giấy đã cắt và 19.632 hộp carton.

d) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
USD	101,71	101,71
EUR	102,33	102,33

19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng đầu</u>	<u>6 tháng đầu</u>
	<u>năm 2023</u>	<u>năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn	14.664.726.443	16.268.663.727
Doanh thu khác	3.250.135.198	3.066.209.803
	<u>17.914.861.641</u>	<u>19.334.873.530</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	12.747.423.490	16.641.753.056
--	----------------	----------------

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ in ấn	11.975.995.854	14.061.215.377
Giá vốn khác	1.956.683.017	2.013.980.559
	<u>13.932.678.871</u>	<u>16.075.195.936</u>

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	129.030.975	99.056.892
	<u>129.030.975</u>	<u>99.056.892</u>

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.248.000	30.649.250
	<u>59.248.000</u>	<u>30.649.250</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.059.758.788	1.515.383.086
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	18.339.047	60.288.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.849.364	30.349.362
Thuế, phí và lệ phí	177.168.699	100.790.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	805.022.041	801.261.245
Chi phí khác bằng tiền	1.124.499.715	1.191.997.867
	<u>3.202.637.654</u>	<u>3.700.070.739</u>

24 THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	80.872.727	73.683.633
Quyết toán nguyên vật liệu thừa do tiết kiệm	106.009.391	1.559.899.885
Thu nhập khác	1.210.000	750
	188.092.118	1.633.584.268

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.037.420.209	1.261.598.765
Các khoản điều chỉnh tăng	37.500.000	42.000.000
- <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	37.500.000	42.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.074.920.209	1.303.598.765
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	214.984.042	260.719.753
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	111.829.200	90.044.562
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(111.829.200)	(161.875.054)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	214.984.042	188.889.261

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	822.436.167	1.000.879.012
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	822.436.167	1.000.879.012
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.095.985	2.095.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	392	478

Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành trên lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.818.604.351	6.587.694.411
Chi phí nhân công	5.332.499.645	6.245.231.719
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	18.339.047	88.052.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.434.314.035	1.375.839.259
Thuế, phí và lệ phí	177.168.699	671.936.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.548.483.639	2.372.006.567
Chi phí khác bằng tiền	1.406.474.222	1.500.952.854
	17.735.883.638	18.841.713.216

28 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động in ấn	Hoạt động cho thuê kho	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	14.664.726.443	2.432.682.789	817.452.409	17.914.861.641
Giá vốn hàng bán	11.975.995.854	1.623.505.867	333.177.150	13.932.678.871
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.688.730.589	809.176.922	484.275.259	3.982.182.770
Tổng chi phí mua tài sản cố định	259.090.909	-	1.355.468.000	1.614.558.909
Tài sản bộ phận	21.630.241.500	3.628.750.650	-	25.258.992.150
Tài sản không phân bổ				24.979.511.021
Tổng tài sản	21.630.241.500	3.628.750.650		50.238.503.171
Nợ phải trả của các bộ phận	3.323.301.347	129.432.879	-	3.452.734.226
Nợ phải trả không phân bổ				22.182.765.982
Tổng nợ phải trả	3.323.301.347	129.432.879	-	25.635.500.208

b) Theo khu vực địa lý

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là in ấn và cho thuê kho chủ yếu diễn ra tại thành phố Hà Nội. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chi nhánh của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Tập đoàn ECI	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Doanh thu dịch vụ in ấn và bán hàng khác	10.775.482.868	15.304.332.291
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	9.543.730.625	12.560.421.611
Công ty CP Tập đoàn ECI	-	65.929.935
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	475.206.599	1.835.159.674
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	633.271.224	775.892.146
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	123.274.420	66.928.925
Doanh thu cho thuê kho, cửa hàng	1.971.940.622	1.337.420.765
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	718.046.014	777.413.945
Công ty CP Sách đại học - Dạy nghề	45.818.182	45.818.182
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	851.829.181	336.015.910
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	87.490.909	43.745.455
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	212.563.636	134.427.273
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	56.192.700	



Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2023	năm 2022
		VND	VND
Bà Vũ Thị Hảo	Chủ tịch HĐQT	-	5.000.000
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	195.718.178	207.304.977
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	-	3.000.000
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/04/2023)	-	3.000.000
Ông Hoàng Hồng Hương	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/04/2023)	1.500.000	-
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	9.000.000	12.000.000
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám Đốc	130.157.690	132.799.254
Bà Vũ Thị Hoà	Kế toán trưởng	129.106.888	127.249.596
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban kiểm soát	6.000.000	8.000.000
Ông Nguyễn Đắc Huân	Kiểm soát viên	94.688.678	98.778.560
Ông Lê Quang Hà	Kiểm soát viên	95.063.286	91.874.926

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày đầu kỳ và ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

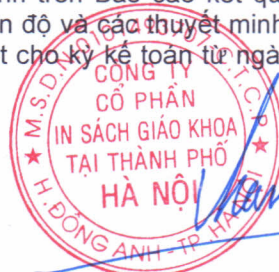
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

